

Tập 16

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, trang mười bảy, đoạn “*nhị, tán kinh. Sơ, tổng tán, nhị, biệt tán*”.

Sơ tổng tán.

(Tự) Trùng trước nhi thanh, phản bối nhi hướng, việt tam kỳ u nhất niệm, tề chư thánh u phiến ngôn, chí tai diệu dụng, diệc bất khả đắc nhi tư nghị giả. Kỳ duy Phật Thuyết A Di Đà Kinh dư?

初總讚.

(序)澄濁而清，返背而向，越三祇於一念，齊諸聖於片言，至哉妙用，亦不可得而思議者，其惟佛說阿彌陀經歟。

(Thứ nhất, tán thán chung.

Lời tựa: Lắng đục thành trong, bỏ trái nghịch để hướng về, vượt ba A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm, ngang với chư thánh bởi một lời, diệu dụng đến tột bậc cũng chẳng thể nghĩ bàn được, chỉ có mình Phật Thuyết A Di Đà Kinh đó chăng?)

Đoạn này nhằm tán thán kinh A Di Đà, cũng có thể nói là tán thán cả bộ kinh này đến mức tột cùng. Kể từ phần Tựa trở đi, chúng ta đã tốn không ít thời gian để giới thiệu đoạn Minh Tánh (nêu rõ Tánh). Đoạn trước hoàn toàn nói về giáo lý, từ đây trở đi là nói về giáo nghĩa. Lý chẳng những xuyên suốt hết thủy kinh giáo mà còn xuyên suốt vô lượng pháp môn. Thật ra, hết thủy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng là Lý Thể của tự tánh.

Học Phật, nhất là nghiên cứu kinh điển hoặc nghe kinh, nếu có thể hiểu được Lý Thể thì sẽ là cao minh nhất. Nghe kinh mà nghe hiểu được giáo lý thì sẽ là cao minh nhất, vì nếu hiểu rõ giáo lý thì “*một ngộ, hết thủy ngộ*”, tức là “*một kinh thông, hết thủy kinh thông*”. Đây là điều trọng yếu nhất. Giáo Hạ gọi điều này là “*đại khai viên giải*”, còn Thiền Tông bảo là “*đại triệt đại ngộ*”. Đây là biết nghe, nhưng điều này thật chẳng dễ dàng, phải nhất tâm lắng nghe. Chẳng đạt được nhất tâm, sẽ không có cách nào ngộ nhập giáo lý, bất đắc dĩ, phải cầu điều kém hơn là giáo nghĩa. Nếu thông hiểu giáo nghĩa, sẽ có thể thông đạt một phần

đạo lý. Tuy chẳng thể thông đạt toàn thể, nhưng có thể thông đạt một phần thì cũng coi như là khá lắm. Nói cách khác, đối với những kinh đồng loại¹ với kinh này đều có thể hề tiếp xúc bèn thông hiểu, cũng được coi là khá cao minh. Đáng sợ nhất là nhớ nguyên văn từng câu nói, tôi ở đây giảng như thế nào, quý vị nhớ y hệt như thế ấy, giống hệt như máy khâu! Tuy có thể nhớ toàn bộ, nhưng quý vị chỉ hiểu được một bộ kinh, thay bằng bộ kinh khác sẽ không hiểu nữa! Như vậy là dở nhất, được coi là [căn tánh] hạng ba. Những điều nghe được đều có thể ghi nhớ, đều có thể nói lại, thì đã được coi là rất khá, nhưng thật ra, chỉ là hạng ba.

(Diễn) *Trùng trước nhị cú, tiên tự công phu.*

(演) 澄濁二句，先敘功夫。

(Diễn: Hai câu “lắng đục”... trước hết giảng về công phu).

“*Trùng trước nhị cú*” tức là [hai câu] “*trùng trước nhi thanh, phản bối nhi hướng*” (lắng đục thành trong, bỏ trái nghịch để hướng về); hai câu này “*tiên tự công phu*” (trước hết nói về công phu), tức là nói về sự tu hành, nhìn thấy công phu ở chỗ nào? Trước hết, chúng tôi giải thích ý nghĩa của những chữ này. “*Trước*” là chẳng thanh tịnh, tâm chúng ta hiện thời chẳng thanh tịnh. Nếu dùng Phật hiệu để biến tâm niệm chẳng thanh tịnh thành thanh tịnh, đấy là “bước vào công phu”, là “*trùng trước nhi thanh*” (lắng đục thành trong). “*Phản bối nhi hướng*”, “*bối*” là gì? Bối giác hợp trần (trái ngược với giác, xuôi theo trần lao). Chúng ta trái nghịch tự tánh giác, nay đang phơi bày ra những thứ mê hoặc, điên đảo. Nếu chúng ta có thể từ nơi trái nghịch giác tánh mà quay trở lại, hướng về giác tánh, khôi phục Bản Giác thì đấy là công phu. Do vậy, người niệm Phật phải thường xuyên kiểm nghiệm xem chính mình có công phu hay là không, niệm Phật đạt hiệu quả như thế nào? Thành tích như thế nào?

(Diễn) *Tam kỳ nhị cú, thứ tán siêu thắng.*

(演) 三祇二句，次讚超勝。

(Diễn: Hai câu “tam kỳ” là ý tiếp theo, ca ngợi sự siêu việt thù thắng [của kinh A Di Đà]).

¹ “Đồng loại” là những kinh giảng về cùng một pháp môn.

“Việt tam kỳ u nhất niệm, tề chư thánh u phiến ngôn” (Vượt ba A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm, bằng với chư thánh trong một lời): Tán thán sự siêu thắng (Thắng là thù thắng). Tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất luận một tông phái nào cũng đều chẳng thể sánh bằng pháp môn này. Nó siêu việt tất cả các pháp môn, thù thắng nhất trong hết thảy pháp môn. Đây là tán thán kinh A Di Đà, tán thán hạnh trì danh niệm Phật.

(Diễn) “*Trùng trước nhi thanh*” giả, dĩ Phật danh hiệu đầu u loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất tịnh, như thủy thanh châu đầu u trước thủy, trước thủy bất đắc bất thanh dã.

(演)澄濁而清者，以佛名號投于亂心，亂心不得不淨，如水清珠投于濁水，濁水不得不清也。

(Diễn): “*Lắng đục thành trong*”: Dùng danh hiệu Phật gieo vào loạn tâm, loạn tâm chẳng thể không tịnh, như thủy thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong).

Hai câu tỷ dụ ở phía sau khá dễ hiểu, chứ hai câu trong phần trước sợ chẳng dễ hiểu cho lắm. Vì sao vậy? Cũng có vị niệm Phật chẳng ít năm, trong tâm vẫn loạn lung tung, Phật hiệu chẳng đạt được hiệu quả, quý vị bèn hoài nghi: Câu Phật hiệu này có thể khiến cho tâm niệm thanh tịnh, mà ta niệm đã nhiều năm như vậy, tâm vẫn chẳng thanh tịnh, là do duyên cớ nào? Quý vị niệm không đúng pháp! Nếu niệm đúng pháp, chắc chắn có hiệu quả, công dụng. Nếu mỗi câu Phật hiệu đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương, tâm đầu loạn cũng có thể đạt đến thanh tịnh, trong một đời quả thật có thể đạt được công phu thành phiến, Sự nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn, chẳng còn ngờ vực mảy may chi nữa!

Phật pháp theo đường lối thông thường, tức là theo phương cách phổ thông, ắt phải dựa theo thứ tự thuận là “*tín, giải, hành, chứng*” để tu học. Giải (hiểu) rồi mới tu hành, giống như đi đường, ắt trước hết phải biết rõ lộ trình rồi mới có thể ra đi. Pháp môn Tịnh Độ Niệm Phật là pháp môn đặc biệt, vừa đi vừa nhận biết đường, tiến hành đồng thời. “Người niệm Phật chẳng cần nghiên cứu kinh giáo, cứ thật thà niệm Phật là được rồi, cầu Giải để làm gì? Có gì phải phí sức vào chuyện này!” Cách suy nghĩ này sai lầm to lớn. Quý vị thấy trong Tịnh Độ Tông, có vị tổ sư đại đức nào chẳng thông đạt hết thảy các pháp thế gian và xuất thế

gian. Trong bộ Sớ Sao, Liên Trì đại sư trích dẫn kinh luận của thế gian và xuất thế gian, học vấn của Ngài rất uyên bác, chứ chẳng phải là không thông hiểu! Thời cận đại, quý vị đọc bộ Văn Sao sẽ thấy Ân Quang đại sư đọc bao nhiêu là sách, thứ gì cũng đều biết. Do đây biết rằng: Niệm một câu A Di Đà Phật vẫn phải nghiên cứu kinh giáo, Hành và Giải đều quan trọng, Hành và Giải đồng thời.

Thật thà niệm Phật, hai chữ “*thật thà*” hết sức chẳng đơn giản. Người thật thà, chân tánh hiện tiền. Dùng pháp môn Tịnh Độ Niệm Phật để định nghĩa hai chữ “*thật thà*” thì “*niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, minh tâm kiến tánh*” mới là thật thà. Trước khi minh tâm kiến tánh, chắc chắn chưa thật thà, vì sao? Kể ấy dùng tâm ý thức; tâm ý thức thì làm sao thật thà cho được? Thật thà niệm Phật, quyết định thành Phật. Thế nhưng, trước hết chúng ta phải hiểu rõ chính mình hiện thời chắc chắn là chưa thật thà, cho nên quý vị vẫn phải y giáo tu hành, chiếu theo những lý luận, phương pháp và cảnh giới được giảng trong kinh điển để niệm Phật hiệu. Lại còn phải nên hiểu rõ những ý nghĩa được bao hàm trong câu Phật hiệu. Dịch nghĩa hoàn toàn sang tiếng Hán, câu Phật hiệu này có nghĩa là “*quy y Vô Lượng Giác*”. Nói cách khác, mức độ thấp nhất là từng tiếng đánh thức giác tánh của chính mình. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc sáu trần, hễ mê thì một câu Phật hiệu này sẽ gọi chúng ta từ mê mà giác ngộ trở lại, chẳng còn mê nữa, giác chứ không mê. Nếu quý vị chẳng niệm thì không niệm sẽ mê. Tập khí mê muội quá nặng, niệm niệm gọi mình quay lại, như vậy thì mới có thể khôi phục cái tâm thanh tịnh. Đây là ý nghĩa của câu thứ nhất, “*trùng trước nhi thanh*” (lắng đục thành trong).

(Diễn) “Phản bối nhi hướng” giả, nhất hướng lưu lạc tha hương, bất tư cố quốc, kim tắc hồi thân bảo sát, tương cận Từ Tôn dã.

(演)返背而向者，一向流落他鄉，不思故國，今則迴神寶刹將覲慈尊也。

(Diễn: “Phản bối nhi hướng”: Một mực lưu lạc quê người, chẳng nghĩ tới nước cũ. Nay hướng lòng về cõi báu, gần gũi đấng Từ Tôn).

Tỷ dụ này cũng hết sức hay. Giống như kẻ lang thang lưu lạc đất khách, quên mất quê cũ của chính mình. “*Kim tắc hồi thân bảo sát, tương cận Từ Tôn*” (Nay hướng lòng về cõi báu, gần gũi đấng Từ Tôn): Nay bảo quý vị hãy quay đầu lại, hãy từ đời ô trược lục đạo luân hồi này

quay đầu lại, tới Tây Phương Cực Lạc thế giới để gặp A Di Đà Phật. Nói cách khác, quê cũ của chúng ta ở nơi đâu? Quê cũ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chính mình phải kiên định tín tâm. Nếu quý vị nói: “Thế giới này mới là quê cũ của tôi, chứ Tây Phương Cực Lạc thế giới không phải!” sẽ rất khó vãng sanh Tây Phương. Đây là hoàn toàn mê mất tự tánh, nhất định phải giác ngộ điều này. Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy trong hội Hoa Nghiêm đến cuối cùng đều thành Đẳng Giác Bồ Tát mà vẫn phải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới để thành tựu Vô Thượng Bồ Đề. Do đây biết rằng: Thế giới Cực Lạc là quê nhà thật sự, chẳng sai tí nào!

Nay chúng ta sống trong thế giới Sa Bà đã ba bốn đời, quên tuốt quê cũ. Các đồng bào trong tỉnh [Đài Loan] này, quê quý vị ở đâu? Hãy truy ngược lại, quê nhà của các vị đều ở Trung Nguyên. Trong lịch sử dân tộc Trung Hoa có ba lần thiên di lớn: Thời Nam Bắc Triều Ngũ Hồ Loạn Hoa², thời Nam Tống và thời Mãn Thanh vào trong quan ải. Từ

² Ngũ Hồ Loạn Hoa là thời kỳ loạn lạc liên miên từ năm 296 đến 419. Thời kỳ này bắt đầu từ khi tám vị vương gia nhà Đông Tấn nổi loạn tranh chấp quyền lực với Tấn Huệ Đế (295-306) khiến thủ lãnh các dân tộc ở ngoài biên ải thừa cơ xâm nhập Trung Nguyên, chiếm cứ từng vùng, tự xưng vương, lập ra các vương quốc. Sử Trung Hoa thường gọi giai đoạn này là Ngũ Hồ Thập Lục Quốc. Ngũ Hồ là năm dân tộc du mục sống ngoài quan ải, tức là Hung Nô, Tiên Ty, Yết, Khương, Đê. Tuy nói là Ngũ Hồ, nhưng còn có sắc dân khác như Cao Câu Ly, Đinh Linh v.v... cũng lập vương quốc, nhưng Sử chỉ nói đến Ngũ Hồ vì đa số các vương triều trong thời kỳ này do các sắc dân kể trên thành lập. Thập Lục Quốc chỉ là mười sáu nước chính, ngoài ra còn có nhiều vương triều nhỏ hơn. Thập Lục Quốc là: Hán (do Lưu Uyên, dân tộc Hung Nô, thành lập), Thành Hán (do Lý Hùng, dân tộc Hung Nô, sáng lập), Tiền Lương (do Trương Thật, người Hán, sáng lập), Hậu Triệu (do Thạch Lạc, dân tộc Yết, sáng lập), Tiền Yên (do Mộ Dung Hoảng, dân tộc Tiên Ty, sáng lập), Tiền Tần (do Phù Kiên, dân tộc Đê, sáng lập), Hậu Yên (do Mộ Dung Thùy, dân tộc Tiên Ty, sáng lập), Hậu Tần (do Diêu Thành, dân tộc Khương, sáng lập), Tây Tần (do Khất Phục Quốc Nhân, dân tộc Tiên Ty, sáng lập), Hậu Lương (do Lữ Quang, dân tộc Đê, sáng lập), Nam Lương (do Thốc Phát Ô Cô, dân tộc Tiên Ty, sáng lập), Nam Yên (do Mộ Dung Đức, dân tộc Tiên Ty, sáng lập), Tây Lương (do Lý Cảo, dân tộc Hán, sáng lập), Bắc Lương (do Đoàn Nghiệp, dân tộc Hung Nô, sáng lập), Hồ Hạ (do Hách Liên Bột Bột, dân tộc Hung Nô, sáng lập), Bắc Yên (do Mộ Dung Vân, người Cao Câu Ly, sáng lập). Ngoài ra, trong thời này còn có những vương triều nhỏ hơn, không tạo ảnh hưởng mạnh mẽ cho lịch sử Trung Hoa bằng những nước vừa kể trên như: Cừ Trì, Đãng Xương, Đãng Chí, Nhiễm Ngụy, Tiểu Thục (Tây Thục), Hoàn Sở, Địch Ngụy (do Địch Liêu, sắc dân Đinh Linh thành lập), Đại, Tây Yên, Vũ Văn Bộ, Đoàn Bộ, Thổ Cốc Hồn, Cao Cú Ly (do Cố Quốc Nguyên Vương, người Cao Cú Ly, sáng lập) v.v...

Trung Nguyên thiên di đến Lương Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây), rồi lại dời sang Đài Loan. Tổ tiên đều là người thuộc lưu vực Hoàng Hà ở Trung Nguyên, quý vị đã quên mất rồi. Do chúng ta quên mất tự tánh, luân hồi sanh tử trong thế giới Sa Bà chẳng biết là bao nhiêu kiếp. Nay bảo quý vị thế giới Cực Lạc là quê nhà, quý vị chẳng tin. Ở đây, Liên Trì đại sư bảo chúng ta: Quê hương của chúng ta là Tây Phương Cực Lạc thế giới.

“*Việt tam kỳ ư nhất niệm*”: Việt (越) là vượt thoát, vượt thoát ba A-tăng-kỳ chỉ trong một niệm. Thời gian ba A-tăng-kỳ kiếp dài lâu, mê hoặc lâu dài bao kiếp, trong một niệm liền vượt thoát, thật nhanh! Một niệm là gì? Một niệm là nhất tâm bất loạn đấy!

(Diễn) Nhất niệm thị Trí.

(演) 一念是智。

(Diễn: Một niệm là Trí).

“*Một niệm là Trí*”, hai niệm là mê. Làm như thế nào để trong mười hai thời luôn giữ được nhất niệm? Điều này rất khẩn yếu. Do vậy, trong cảnh giới khởi tâm động niệm là mê hoặc, nhất định phải giữ gìn sự tỉnh táo, tức là nhất niệm.

(Diễn) Phiến ngôn thị cảnh.

(演) 片言是境。

(Diễn: Một lời là cảnh).

“*Phiến ngôn*” là cảnh giới, “*phiến ngôn*” chính là một câu Nam-mô A Di Đà Phật. Câu này chính là “*phiến ngôn*”. Do đây có thể biết một câu Phật hiệu thật sự trở thành công phu thượng thừa, câu nói ấy biến tâm niệm của quý vị thành nhất niệm, nhất niệm vô nhị niệm. Có đồng tu hỏi: Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên, lìa bằng cách nào? Tôi thưa cùng quý vị: Điều này thật sự rất quan trọng! Vì sao chúng ta chẳng thể biến câu danh hiệu này thành nhất tâm, chẳng thể biến thành nhất niệm? Chính là vì đối với sáu chữ này (sáu chữ hay bốn chữ cũng giống như nhau), quý vị chấp vào tướng ngôn thuyết, chấp vào tướng danh tự, chấp vào tướng tâm duyên. Do vậy, quý vị không có cách nào biến nó thành nhất niệm. Nói thật ra, Phật

truyền thụ pháp môn này nhằm dạy chúng ta dùng một câu Phật hiệu để đạt đến nhất niệm, đây mới gọi là “*công phu thành tựu*”.

Câu Nam-mô A Di Đà Phật là một câu nói, là tướng ngôn thuyết; chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối tiếng niệm A Di Đà Phật mười vạn tiếng, chấp vào tướng ngôn thuyết. Nam-mô có nghĩa là quy y, A Di Đà nghĩa là vô lượng, Phật có nghĩa là giác. Đây là tướng danh tự, chấp vào tướng danh tự. Tâm phan duyên (nắm níu) tướng danh tự, phan duyên tướng ngôn thuyết. Đây là tướng tâm duyên. Trong một câu Phật hiệu của quý vị, chẳng phải chỉ là hai niệm, ba niệm, mà trong một câu Nam-mô A Di Đà Phật khởi lên rất nhiều niệm, quý vị không có cách gì đạt được nhất niệm, nên câu Phật hiệu này không có cách nào thành tựu công phu. Làm thế nào mới có thể thành tựu công phu? Khi niệm sáu chữ “Nam-mô A Di Đà Phật”, hãy liả tướng ngôn thuyết, liả tướng danh tự, liả tướng tâm duyên, niệm mà vô niệm, không niệm mà niệm. Trong miệng, sáu chữ hồng danh mỗi tiếng liên tục chẳng gián đoạn, tâm địa thanh tịnh chẳng nhiễm mây trần, đó gọi là “*tam luân thể không*”, chẳng những cái Ngã đang niệm Phật là không thể được mà Phật hiệu được niệm và cảnh giới cũng đều chẳng thể được. Khi ấy là gì vậy? Chỉ là nhất tâm, cảnh giới của nhất tâm mới có thể hiện tiền. Do vậy, pháp này quả thật là màu nhiệm đến tột bậc!

Ở đây, [sách Diễn Nghĩa] chỉ cho chúng ta biết câu Phật hiệu này là cảnh giới, “*nhất niệm là Trí*”. Dùng trí để trừ khử duyên cảnh, Cảnh và Trí không hai. Trí là năng chứng, cảnh là sở chứng. Năng và Sở chẳng hai. Tâm Kinh nói: “*Vô trí, diệc vô đắc*” (không trí mà cũng không đắc). Nhất niệm là Trí, “*phiến ngôn*” (một câu nói) là Đắc, Vô Lượng Giác là cảnh giới, thứ gì cũng đều phải giác chứ không mê, vì sao lại nói là “*vô trí, diệc vô đắc*”? Trong tâm quý vị có [ý niệm] “ta đang có nhất tâm”, tức là trên nhất tâm lại chồng thêm một cái nhất tâm nữa, nhị tâm mất rồi! Kinh Lăng Nghiêm bảo đó là “*tri kiến lập tri*” (trên tri kiến lại lập thêm một tri kiến nữa). Vốn là Phật tri, Phật kiến, nay lại kiến lập thêm “ta nhất tâm bất loạn”, tâm quý vị đã sớm loạn mất rồi! Do trong nhất tâm bất loạn không có một cái nhất tâm bất loạn, chỉ cần quý vị có [ý nghĩ ta đang] nhất tâm bất loạn là trật rồi! Do vậy, quý vị có Trí là trật, có Đắc cũng trật luôn, có Nam-mô cũng trật, có A Di Đà Phật cũng sai bét! Lại nhắc nhở quý vị, không có Nam-mô cũng trật, không có A Di Đà Phật cũng sai tuốt. Khi ấy, khó thể biện định, “có” cũng trật, mà “không có” cũng sai, rốt cuộc như thế nào mới không sai? Nhà Thiền bảo: “Ông cứ tham cứu đi!” Câu này đã nói thấu suốt, Phật hiệu quyết

định chẳng thể gián đoạn giữa chừng! Phật hiệu chẳng thể gián đoạn giữa chừng thì chẳng rớt vào Không! Tuy Phật hiệu chẳng gián đoạn giữa chừng, nhưng tâm địa niệm niệm thanh tịnh, chẳng nhiễm mây trần, năng niệm và sở niệm đều chẳng thể được, chẳng rớt vào Có! Chẳng rớt vào hai bên Có và Không, khi ấy thật sự là nhất niệm. Rớt vào Không hay rớt vào Có đều là sai lầm. Rớt vào Có là tà kiến, rớt vào Không là vô minh. Hai bên Có và Không đều chẳng rớt vào, đây mới là nhất tâm, đây mới là Trí và Cảnh giống hệt như một.

(Diễn) “Việt tăng-kỳ” vị Trí siêu thắng.

(演) 越僧祇謂智超勝。

(Diễn: “Vượt A-tăng-kỳ kiếp” ý nói Trí siêu việt thù thắng).

Kinh thường nói thành Phật chẳng dễ dàng! Tính từ địa vị Sơ Trụ, tu một A-tăng-kỳ kiếp mới có thể tu xong ba mươi địa vị gồm Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai tu bảy địa vị từ Sơ Địa đến Thất Địa. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu ba địa vị Bát Địa, Cửu Địa và Thập Địa. Thời gian ba đại A-tăng-kỳ kiếp dài quá! Một câu A Di Đà Phật vượt thoát ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thật là khó có!

(Diễn) “Tề chư thánh” thị cảnh diệu viên.

(演) 齊諸聖是境妙圓。

(Diễn: “Bằng với chư thánh” là cảnh mầu nhiệm, viên mãn).

“Thánh” là Thập Địa Bồ Tát. Công phu niệm Phật thật sự tốt đẹp, dùng pháp môn này thì quý vị có thể chứng được địa vị Thập Địa Bồ Tát ngay trong một đời, há có phải chỉ thành tựu Phật pháp trong đời này! Sở dĩ chúng ta không thể thành tựu là vì chẳng thấu triệt lý luận, chẳng hiểu rõ phương pháp, tự mình khiến chính mình lầm lẫn. Nếu thật sự hiểu được lý luận và phương pháp thì trong một đời này sẽ có thể đạt đến thành tựu như vậy. Trong bản chú giải kinh Di Đà, đại sư Khuy Cơ đã phán định kinh này thuộc Đốn Giáo vì có ý nghĩa đốn siêu (nhanh chóng vượt thoát). Do vậy, kinh này là kinh bậc nhất trong hết thảy các kinh, không còn kinh nào siêu việt thù thắng hơn. Học Phật thì không đọc, không nghe tất cả các kinh khác cũng chẳng sao, quý vị chỉ cần thấu hiểu, thông suốt mấy tác phẩm như Di Đà Kinh Sớ Sao, Diễn Nghĩa, Yếu Giải, nhất định sẽ vãng sanh ngay trong một đời, giải quyết vấn đề.

Sách Tây Phương Công Cú đơn giản, trọng yếu nhất, hãy bắt đầu đọc sách từ sách này, hãy lấy nó làm sách giáo khoa, mỗi ngày đọc mấy trang, đừng gián đoạn giữa chừng.

(Diễn) Tăng-kỳ giả, vô số kiếp dã.

(演) 僧祇者，無數劫也。

(Diễn: Tăng-kỳ là vô số kiếp).

Điều này chúng ta tạm thời không quan tâm đến. Con số này có đến mấy cách tính, cách tính tinh tường, xác đáng nhất là [cách được nêu ra trong phẩm A Tăng Kỳ] trong kinh [Bát Thập] Hoa Nghiêm. Tiếp theo đây là những câu hỏi đáp do đại sư tự đặt ra.

(Diễn) Vấn: Tam kỳ hành mãn, tức tọa đạo tràng thành Chánh Giác.

(演) 問：三祇行滿，即坐道場成正覺。

(Diễn: Hỏi: Tu hành trọn ba A-tăng-kỳ kiếp liền ngồi nơi đạo tràng, thành Chánh Giác).

Tu hành ba đại A-tăng-kỳ kiếp viên mãn sẽ thành Phật.

(Diễn) Kim niệm Phật giả, túng đắc vãng sanh, thượng vị đắc Phật, hà nãi tiện việt tam kỳ da?

(演) 今念佛者，縱得往生尚未得佛，何乃便越三祇耶

(Diễn: Nay người niệm Phật dù đã được vãng sanh, vẫn chưa thành Phật, sao lại có thể vượt trời ba A-tăng-kỳ kiếp được?)

Nghe những câu nói trong phần trên, chắc cũng thắc mắc: Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn chưa thành Phật. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tuy không có ba ác đạo, nhưng có hai đường trời và người, vẫn là phàm phu! Vì sao nói “vượt trời ba A-tăng-kỳ kiếp”? Câu này có nói quá lố hay chẳng? Dưới đây là lời giải đáp.

(Diễn) Đáp: Kim tam kỳ thị ước Tín Giải, dĩ tam-muội công thành chi nhân, tuy công hạnh vị mãn, nhi Pháp Thân dĩ minh, tam

kỳ cực quả dĩ giải liễu cố, diệc khả ngôn siêu dã. Thử ước Giải ngôn, bất luận công hạnh.

(演)答：今三祇是約信解。以三昧功成之人，雖功行未滿，而法身已明，三祇極果已解了故，亦可言超也。此約解言，不論功行。

(Diễn: Đáp: Ba A-tăng-kỳ ở đây là nói theo phương diện Tín và Giải. Bởi lẽ, người đã thành tựu tam-muội, tuy công hạnh chưa viên mãn, nhưng đã hiểu rõ Pháp Thân, đã hiểu rõ cực quả sau ba A-tăng-kỳ kiếp, nên cũng có thể nói là “vượt thoát”. Đây là dựa trên phương diện Giải để nói, chứ không bàn về mặt công hạnh).

Ba đại A-tăng-kỳ kiếp được nói tới trong phần trước là [nói về] sự tu hành viên mãn, nói tới công phu, đã thành Phật rồi. Ở đây nói “vượt ba A-tăng-kỳ trong một niệm” chính là nói theo phương diện Tín Giải, chứ không phải luận theo phương diện Hành Chứng. Quý vị phải hiểu: Tín Giải hết sức khó, người bình thường chẳng thể tiếp nhận được. “Tam-muội công thành”: Chữ “tam-muội” là nói Niệm Phật tam-muội, tam-muội chính là nhất tâm bất loạn. Chúng ta niệm Phật, niệm đến nhất tâm bất loạn. Nhất tâm được nói đến ở đây chính là Lý nhất tâm bất loạn, vì trong câu tiếp theo có nói “Pháp Thân dĩ minh” (đã hiểu rõ Pháp Thân). Lý nhất tâm bất loạn, công hạnh chưa viên mãn, đây là sự thật; vì Lý nhất tâm bất loạn chính là nói về bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, bốn mươi một phẩm vô minh mới phá được một phẩm, hãy còn bốn mươi phẩm chưa phá, đương nhiên chưa viên mãn.

Công hạnh chưa viên mãn, nhưng đã thấy Pháp Thân. Phá một phẩm vô minh liền chứng một phần Pháp Thân. Đây là hàng Sơ Trụ vừa chứng được Lý nhất tâm. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp thành tựu Phật quả trong Viên Giáo, người ấy quả thật đã “giải liễu”, tức hiểu rõ, quyết định chẳng có nghi vấn gì, cao minh hơn các địa vị Phật trong Thông Giáo, Tạng Giáo và Biệt Giáo. Do vậy, có thể nói là “siêu”. Dụng ý của những câu trong lời Tựa là nói về mặt Tín Giải, chứ không phải là nói về Hành Chứng. Đây là ý nghĩa thứ nhất, tức là luận định theo đường lối [tu tập] thông thường; còn có một ý nghĩa thứ hai, nghĩa này là nói tới sự thật, chẳng phải giả.

(Diễn) Hựu, việT Tăng kỳ thị thật ngữ.

(演) 又越僧祇是實語。

(Diễn: Lại nữa, vượt thoát A-tăng-kỳ kiếp là nói sự thật).

Lời nói chân thật, ý nghĩa này càng tinh tường, nghiêm mật hơn ý nghĩa trên đây.

(Diễn) **Bất tất đản viết giải thuyết.**

(演) 不必但曰解說。

(Diễn: Không cần phải nói là [“vượt ba A-tăng-kỳ kiếp”] chỉ được hiểu theo phương diện Giải).

Chẳng cần phải nói chỉ là hiểu theo phương diện Tín - Giải, nói theo phương diện Hành - Chứng vẫn suông.

(Diễn) **Dĩ tam kỳ hạnh mãn, phương đắc thành Phật, thử thị Tạng Giáo Quả Đầu Phật.**

(演) 以三祇行滿，方得成佛，此是藏教果頭佛。

(Diễn: Bởi lẽ, tu hành trọn đủ ba A-tăng-kỳ kiếp mới được thành Phật là quả vị Phật trong Tạng Giáo).

Tu hành viên mãn ba đại A-tăng-kỳ kiếp sẽ thành Phật, thành vị Phật nào vậy? “Tạng Giáo Quả Đầu Phật”. Theo cách phán giáo của tông Thiên Thai, [có bốn giáo là] Tạng, Thông, Biệt, Viên.

Địa vị tối cao trong Tạng Giáo gọi là Quả Đầu, tức Tạng Giáo Phật. Tạng Giáo Phật vẫn chưa kiến tánh. Tạng Giáo Phật tương đương với địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo. So với Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo là bậc đã đắc Lý nhất tâm bất loạn thì [Tạng Giáo Phật] vẫn còn thua một bậc!

(Diễn) **Kim kinh thị Viên Đốn giáo.**

(演) 今經是圓頓教。

(Diễn: Kinh này thuộc Viên Đốn giáo).

Viên Đốn giáo là thượng thượng thừa, là bậc nhất. Người học pháp môn này là hàng Bồ Tát căn tánh viên đốn. Điều này cũng khiến cho chúng ta hoài nghi: Chính mình chẳng phải là căn tánh viên đốn,

suốt ngày từ sáng đến tối lăm phiên não, mê hoặc, điên đảo như thế, mà tôi cũng có thể học pháp môn này ư? Có thể! Chỉ cần quý vị tin vào chính mình, tin tưởng y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do chân tâm của chính mình hiển hiện, duy thức sở biến. Trong pháp môn Niệm Phật, nhất định là trước hết phải hiểu rõ tự tánh Di Đà chính là căn bản tu học của chúng ta, rồi mới nhất tâm xưng danh, cầu nguyện vãng sanh.

Xem ra, mấy câu này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Quý vị tin tưởng hai câu này thì quý vị thuộc căn tánh viên đốn, tâm nhãn nại bỏ ra ba bốn năm công phu, thảo luận căn kẽ kinh này một lượt, ngộ hầu nghi hoặc, chướng ngại đều chẳng còn nữa. Sau đây, mỗi tiếng Phật hiệu đều tương ứng với tự tánh Di Đà của chính mình, không ai mà chẳng vãng sanh!

(Diễn) Đản đắc thượng sanh tức đặng Sơ Địa.

(演) 但得上生即登初地。

(Diễn: Chỉ cần được thượng phẩm vãng sanh liền chứng Sơ Địa).

“Sơ Địa” là Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. “Thượng sanh” là thượng phẩm vãng sanh, địa vị này ngang với Sơ Địa Bồ Tát của Biệt Giáo.

(Diễn) Nhi Quả Đâu Phật thượng dữ Viên Giáo Thất Tín tề.

(演) 而果頭佛上與圓教七信齊。

(Diễn: Nhưng địa vị Phật trong Tạng Giáo bằng với địa vị Thất Tín trong Viên Giáo).

Tạng Giáo Phật chỉ bằng với địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Viên Giáo, họ quyết định chẳng đạt đến địa vị Sơ Địa trong Biệt Giáo.

(Diễn) Khởi bất thị việt tăng-kỳ ư nhất niệm?

(演) 豈不是越僧祇於一念。

(Diễn: Há chẳng phải là vượt trội ba A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm?)

Câu này chẳng nói quá lố. Lấy Tạng Giáo Phật để nói thì do quả vị Phật tu thành sau ba đại A-tăng-kỳ kiếp là Tạng Giáo Phật. Kinh Hoa

Nghiêm giảng về Viên Giáo Phật rất rõ ràng: Phải do vô lượng kiếp tu thành, chứ ba đại A-tăng-kỳ kiếp chưa thể tu thành. Do vậy, nếu nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp thành Phật thì đích xác là một câu A Di Đà Phật niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn sẽ vượt trội hơn. Ở đây, chúng ta kết luận đơn giản: Lý nhất tâm quả thật đã vượt trội sự tu hành trong ba đại A-tăng-kỳ kiếp của Tạng Giáo, họ tốn một thời gian dài như thế, còn chúng ta trong mấy năm đã vượt trội họ. Nói như vậy thì bộ kinh này và Sớ Sao quả thật là bảo điển viên đốn vô thượng trong Đại Thừa, chúng ta cũng chẳng còn hoài nghi thì mới hiểu được giá trị của bộ kinh điển này.

Có nhiều người phát tâm in kinh. In kinh là chuyện tốt đẹp, in kinh là tu đại phước báo. Trong hết thảy các kinh, kinh có giá trị nhất không gì hơn A Di Đà Kinh. Chúng tôi muốn in A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, Tây Phương Công Cứ, lưu thông hai loại này, hy vọng mỗi người có được một cuốn, ai nấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ai yêu thích nghiên cứu Đại Tạng Kinh thì cứ nghiên cứu, chúng ta do hai bộ sách này chắc chắn sẽ Thượng Phẩm Thượng Sanh. Đây là hoàng dương đại pháp viên đốn, hoàng dương pháp môn bậc nhất, chúng ta thật sự nhận biết giá trị, đề xướng pháp bảo chân thật nhất, pháp môn thù thắng nhất. Chúng ta đã hiểu rõ rồi, hãy nên nỗ lực thực hiện.

Câu “*chí tai diệu dụng*” là nói tác dụng của bản kinh này mà nhiệm đến tột cùng. “*Chí*” (至) là đạt đến chỗ tột cùng.

(Diễn) Diệu dụng hữu nhị.

(演) 妙用有二。

(Diễn: Diệu dụng gồm hai thứ).

Có hai thứ.

(Diễn) Tại Như Lai thuyết kinh, thị lợi sanh chi diệu dụng.

(演) 在如來說經，是利生之妙用。

(Diễn: Như Lai nói kinh là diệu dụng lợi lạc chúng sanh).

Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh suốt cả đời, ta thường nói Ngài giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, đều là diệu dụng lợi ích chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật từ trước đến nay chưa hề nghĩ đến mình, khởi tâm động niệm đều nghĩ tới hết thảy chúng

sanh. Hy vọng các đồng tu chúng ta từ nay trở đi khởi tâm động niệm đều giống như Phật, hy vọng chúng sanh ai nấy sẽ đều Thượng Phẩm Thượng Sanh ngay trong một đời này, ai nấy sẽ đều thành Phật trong đời này. Dùng cách nào? Trừ pháp môn Niệm Phật ra, không có cách thứ hai nào hết! Chúng ta nỗ lực phát triển theo phương hướng này. Muốn làm cho hết thảy chúng sanh thành tựu ngay trong đời này thì trước hết chúng ta phải thành tựu chính mình, chính mình chưa thể thành tựu sẽ không có cách nào giúp người khác thành tựu được! Nếu chính mình thành tựu thì niệm niệm sẽ vì hết thảy chúng sanh. Do vậy, phổ biến, hoằng dương bộ kinh này là chuyện hết sức cần thiết, còn trọng yếu hơn kinh Hoa Nghiêm nữa. Nói thật thà thì Hoa Nghiêm, Pháp Hoa chẳng thể thành Phật ngay trong một đời, tuy những kinh ấy là Viên Giáo Nhất Thừa, nhưng quý vị đọc rồi sẽ thấy, tuy xét về lý luận thì không sai, nhưng phương pháp quá khó tu, quả thật chẳng dễ thành tựu ngay trong một đời. Còn kinh này thì chỉ sợ quý vị không chịu tu, chứ nếu quý vị chịu tu thì như cổ đức đã nói là “*vạn người đi, vạn người đến*” chẳng sót một ai. Diệu dụng của Phật đã đạt đến mức cùng cực.

(Diễn) Dĩ tứ tự biến dẫn chúng sanh xuất u khổ hải, khởi phi chí diệu?

(演) 以四字遍引眾生出於苦海，豈非至妙。

(Diễn: Dùng bốn chữ dẫn khắp chúng sanh thoát khỏi biển khổ, há chẳng phải là màu nhiệm đến tột bậc u?)

Đức Phật dùng bốn chữ “A Di Đà Phật” giúp hết thảy chúng sanh ai nấy vượt thoát luân hồi lục đạo, ai nấy đều vượt thoát biển khổ sanh tử, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, viên mãn Bồ Đề trong một đời, hết sức màu nhiệm! Tra khắp Đại Tạng Kinh, không có pháp môn nào khác giống như thế. Pháp môn Niệm Phật quá kỳ diệu, quá lạ lùng, đặc biệt. Do vậy, nó là pháp khó tin. Đây là nói về sự màu nhiệm do thuyết kinh của đức Phật.

(Diễn) Tại chúng sanh trì danh, thị tự lợi chi diệu dụng, dĩ tứ tự trực sử sơ tâm đăng hồ Trí Địa, hựu khởi phi chí diệu?

(演) 在眾生持名，是自利之妙用。以四字直使初心登乎智地，又豈非至妙。

(*Diễn*: Chúng sanh trì danh là diệu dụng tự lợi, do bốn chữ mà trực tiếp khiến cho hàng sơ tâm vượt lên Trí Địa, há lại chẳng phải là mẫu nhiệm đến tột cùng ư?)

Trí Địa tức là Sơ Địa Bồ Tát. Đức Phật là vị thầy truyền dạy cho chúng ta pháp môn này, tức là bốn chữ. Chúng ta là học trò, tiếp nhận bốn chữ này, trong một đời từ hàng Sơ Phát Tâm bèn chứng đắc Sơ Địa, vượt khỏi ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thành tựu ngay trong một đời. Nếu quý vị hỏi: “Tôi nay mới phát tâm, khi nào tôi sẽ niệm đến mức Lý nhất tâm bất loạn? Ước chừng bao lâu tôi mới có thể đạt đến địa vị này?” Chớ nên hỏi tôi câu này! Hỏi tôi cũng vô ích, phải hỏi chính mình! Nếu quý vị thật sự chịu tu, cố nhân đã nêu gương rồi đó, bảy ngày có thể đạt được, kinh dạy “*nhược nhất nhật đáo nhược thất nhật*” (từ một ngày cho đến bảy ngày). Nói cách khác, có thể đạt được trong một ngày!

Kinh Địa Tạng có nói: Khi Địa Tạng Bồ Tát tu nhân, làm một cô gái dòng Bà-la-môn, tức là cô Quang Mục, đã cứu mẹ bằng phương pháp nào? Niệm Phật! Nếu quý vị đọc kỹ kinh văn, [sẽ thấy] cô ta niệm đến mức nhất tâm bất loạn, đắc Niệm Phật tam-muội thì mới có tư cách vào địa ngục để thăm dò, xem xét, mới có năng lực ấy. Nếu cô ta chưa thành tựu Niệm Phật tam-muội, sẽ chẳng thể đến được. Kinh nói rất rõ ràng, đến địa ngục chỉ có hai hạng người: Một là Bồ Tát, hai là người có tội nghiệp phải vào đó chịu tội! Nếu chẳng phải là hai hạng người ấy, sẽ không có tư cách vào địa ngục được! Do vậy, cô ta dùng pháp môn Niệm Phật, niệm bao lâu? Một ngày một đêm. Há chẳng phải là như kinh này đã nói “*nhược nhất nhật*” (trong một ngày) ư? Quý vị có chịu “*từ tận thâm tâm*” (chết sạch cái lòng mong ngóng so đo, chộp giựt cầu may), “*thâu tâm*” là vọng niệm. Có thể đoạn sạch hết thấy vọng niệm hay không? Nhất tâm là một câu Phật hiệu, trừ câu Phật hiệu ra, chẳng có vọng niệm nào. Nếu trong một ngày một đêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ, từng tiếng Phật hiệu chẳng ngớt, chẳng có vọng niệm nào trong ấy thì sẽ thành công, mà cũng phải chết sạch lòng mong ngóng thì mới làm được!

Do vậy, mẹ cô Bà-la-môn Quang Mục được cứu là vì mẹ cô ta có công đức và có phước: Con gái bà ta có thành tựu là do bà mẹ thúc ép, do mẹ mà cô ta đến địa ngục, cô ta nhất tâm nhất ý muốn cứu mẹ, chẳng có vọng niệm thứ hai nào. Nếu bà mẹ chẳng đọa địa ngục, cô ta cũng chẳng thể thành Địa Tạng Bồ Tát. Vì sao? Cô ta chẳng thể nào chuyên tâm như thế! Ngày nay chúng ta niệm Phật chẳng thể chuyên tâm, tức là

có cái tâm mong ngóng, chụp giựt cơ hội, so đo, dựa dẫm, cứ ngỡ khởi vọng niệm chẳng sao cả! Nghe nói niệm Phật trong thời gian tàn một cây hương mà khởi lên năm sáu vọng tưởng thì nói chung phải có công phu [huân tập] trong năm năm, mười năm. Vậy thì trong một tiếng đồng hồ tôi khởi lên hai ba chục vọng tưởng chẳng phải là rất bình thường ư? Không đúng! Chúng ta niệm Phật với cái tâm không chân thật, thiết tha, chẳng có ai ép chúng ta. Nếu cha mẹ của chính mình đọa trong địa ngục A Tỳ thì khi quý vị vừa biết, muốn cứu họ, ý niệm gì cũng không có, nhất tâm nhất ý niệm Phật, vẫn phải là đứa con thật sự có hiếu thì mới được!

Do vậy, từ một ngày cho đến bảy ngày có thể thành công thì còn có pháp môn nào khác nhanh chóng hơn pháp này hay chăng? Thiên chẳng thể thành tựu trong bảy ngày! Mật cũng chẳng thể thành tựu trong bảy ngày. Khuy Cơ đại sư tán thán pháp môn này là đại pháp viên đốn. Ngài là tổ sư khai sơn của tông Duy Thức mà tán thán kinh Di Đà như vậy, còn gì để nói nữa đây! Ở đây, chúng ta đang nói tới công phu thượng thừa; công phu bậc trung thì là Sự nhất tâm bất loạn, công phu bậc hạ là công phu thành phiền đời nghiệp vãng sanh. Người tu học pháp môn Niệm Phật phát tâm phải thù thắng, to lớn, cổ nhân thường nói “*thủ pháp hồ thượng, căn đắc hồ trung*” (chọn lấy pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung). Chúng ta phát tâm một lòng một dạ muốn thành tựu Lý nhất tâm bất loạn, chưa đạt được Lý nhất tâm bất loạn mà có thể đắc Sự nhất tâm bất loạn thì vẫn coi như là khá lắm. Nếu quý vị phát tâm rất nhỏ, chí hướng quá kém hèn, “tôi hạ phẩm hạ sanh là được rồi”, hạ mục tiêu xuống còn hạ phẩm hạ sanh, có thể sẽ chẳng được vãng sanh! Hạ phẩm hạ sanh mà chẳng đạt tiêu chuẩn thì sẽ bị đào thải. Do vậy, nhất định phải phát tâm cầu thượng phẩm, nhất định phải nghiên cứu đạo lý trong kinh, phải hiểu bộ kinh này quả thật là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ. Trong một đời này, chúng ta có cơ duyên gặp được, đây là chuyện thành Phật trong một đời, một đời vượt thoát luân hồi, liễu sanh tử, xuất tam giới, trong thế gian còn có chuyện nào quan trọng hơn chuyện này? Chúng ta phải nhận thức, hiểu rõ điều này!

(Sớ) Thượng ngôn linh minh tràm tịch chi Thể, bốn vô thanh, trước, hướng, bối, tất cánh bình đẳng, duy thị nhất tâm.

(疏)上言靈明湛寂之體，本無清濁向背，畢竟平等，唯是一心。

(*Sớ*: Trong phần trước đã nói tới cái *Thể linh minh trạm tịch*, vốn chẳng có trong, đục, hướng về, trái nghịch, rớt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm).

“*Thượng*” là trong đoạn văn ở phần trên đã nói tới “*linh minh trạm tịch*”, đây là bản thể của tự tánh chúng ta. Trong bản thể, không có “*thanh, trước, hướng, bối*”. Nói cách khác, trong bản thể chẳng lập một pháp. Lục Tổ nói: “*Vốn chẳng có một vật*”, đâu còn có “*thanh, trước, hướng, bối?*” Ở đây, bốn chữ này tượng trưng cho các pháp đối đãi, tương đối. Trong Chân Như bản tánh không có tương đối. Đã không có tương đối mà cũng chẳng có tuyệt đối, vì tuyệt đối và tương đối lại biến thành tương đối! Do vậy, ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xú diệt. Cảnh giới ấy rớt ráo bình đẳng!

Câu quan trọng nhất ở đây là “*rớt ráo bình đẳng*”. Chúng ta là người tu pháp môn Niệm Phật, nếu dùng tâm bình đẳng niệm Phật, nếu dùng tâm bình đẳng để đãi người, tiếp vật thì sẽ tương ứng với nhất tâm bất loạn. Đây là nguyên tắc, nguyên lý hết sức quan trọng! Chúng ta niệm Phật, chưa đạt đến nhất tâm bất loạn, ngay cả công phu thành phiền cũng chưa thành tựu là do nguyên nhân nào? Từ trước đến nay, chúng ta chẳng chịu sử dụng nhất tâm, chẳng chịu dùng tâm bình đẳng, đối với bất luận cảnh giới nào đều luôn dùng cái tâm phân biệt, tâm chấp trước, còn có cách gì nữa đây? Phân biệt, vọng tưởng, chấp trước là không được rồi! Đấy chính là ma chướng đối với nhất tâm bất loạn. Ma chướng chẳng phải do ngoại cảnh, mà là trong sự phân biệt, chấp trước, vọng tưởng của chính chúng ta. Khi nào trong hết thấy cảnh giới, chúng ta sử dụng chân tâm, một mực bình đẳng, nhất tâm bất loạn sẽ thành tựu dễ dàng, rất nhanh chóng thành tựu. Giác tâm là bình đẳng tâm, chẳng bình đẳng là mê hoặc. Mê rồi sẽ chẳng bình đẳng. Giác ngộ sẽ bình đẳng. Công án “*hồng lô điểm tuyết*” (lò rực lửa dính tuyết) của Thiên Tông đã hiển thị sự bình đẳng, một vị bình đẳng.

Nhìn vào gương tu hành thì trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tu pháp môn Tịnh Độ, niệm A Di Đà Phật. Ngài dùng pháp môn Niệm Phật niệm đến Lý nhất tâm bất loạn rồi mới đi tham học. Năm mươi ba lần tham học thấy các nhân vật đủ mọi hạng người, nghe các thứ pháp môn khác nhau, trong cảnh giới ấy, Ngài dùng công phu nào, chúng ta nhất định phải hiểu rõ. Ngài “*nghe mà không nghe, thấy mà không thấy*”. Thấy hết thấy nhân vật, nghe hết thấy pháp môn, tăng trưởng trí huệ, trong hết thấy cảnh giới Ngài như như bất động, vẫn là

thật thà niệm A Di Đà Phật, hoàn toàn chẳng thay đổi. Đây là tăng trưởng nhất tâm, tăng trưởng Thiền Định, học Định và Huệ quân bình, chẳng tiếp xúc dị đoan, chẳng thấy chính mình có công phu. Khi tiếp xúc dị đoan, công phu của chính mình bèn hiện tiền, chẳng động tâm bởi học thuyết dị đoan, nhất tâm bất loạn thành tựu. Lại còn có thể liễu giải hết thấy dị đoan, trí huệ thành tựu, biết chúng sanh phiền não như thế nào, tà kiến như thế nào, thấy đều hiểu rõ thì giáo hóa chúng sanh mới khế cơ! Như như bất động là Khế Lý, hiểu rõ hết thấy là Khế Cơ. Năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử hiện thị công phu như vậy, đây là công phu niệm Phật, thành tựu trong đời này, chúng ta phải nên học theo. Nhất là trong xã hội mở rộng hiện thời, tư tưởng, ngôn luận tự do, không có cách nào ngăn cấm. Nếu quý vị chẳng học theo Thiện Tài đồng tử, chẳng học một chiều ấy, sẽ chẳng có cách nào thành tựu! Nếu quý vị hiểu những đạo lý, bí quyết trong pháp môn Niệm Phật, biết được phương thức cao minh của Thiện Tài đồng tử, chắc chắn sẽ thành tựu Lý nhất tâm bất loạn trong một đời. Dầu chưa đắc Lý nhất tâm bất loạn, cũng sẽ có thể ổn thỏa thích đáng thành tựu Sự nhất tâm bất loạn. Chúng ta phải học những điều này từ kinh điển.

(Diễn) *Tất cánh bình đẳng giả.*

(演) 畢竟平等者。

(Diễn: *Rốt ráo bình đẳng là...*)

“*Tất cánh bình đẳng, duy thị nhất tâm*” (Rốt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm): Chẳng tách rời hai câu này trong bất cứ thời khắc nào! Cổ nhân nói: “*Đạo dã giả, bất khả tu du ly dã*” (Đạo là chẳng thể rời trong khoảng khắc). Niệm niệm đều chẳng lìa, đây chính là điều tôn giả Tu Bò Đề muốn hỏi Phật trong kinh Kim Cang. Hai câu hỏi lớn của Ngài là: “*Ung vân hà trụ? Vân hà hàng phục kỳ tâm?*” (Nên trụ như thế nào? Nên hàng phục cái tâm như thế nào?) Chúng ta phải trụ cái tâm ra sao? Trụ ở nơi đâu? Câu trả lời cho hai câu này là “*rốt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm*”. Cái tâm này của chúng ta phải an trụ tại nơi đó. Dùng ngay hai câu này để chú giải kinh Kim Cang sẽ hiểu rõ rất dễ dàng! Hàng phục cái tâm như thế nào? Cuối kinh Kim Cang có hai câu hết sức quan trọng: “*Bất thủ ư tướng, như như bất động*” (Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động) thì mới có thể hàng phục cái tâm. Câu nói “*ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (đừng trụ vào đâu để sanh tâm) khiến Lục Tổ đại sư khai ngộ, cũng có ý nghĩa giống với hai câu trên đây. Bình đẳng là vô sở

trụ, có chỗ trụ sẽ chẳng bình đẳng. Có chỗ trụ là nhị tâm, tức là “tam tâm, nhị ý”.

(Diễn) Luận vân: “Nhất thiết chư pháp, tùng bốn dĩ lai, ly chư danh tướng, tất cánh bình đẳng, duy thị nhất tâm”.

(演)論云：一切諸法，從本以來離諸名相，畢竟平等，唯是一心。

(Diễn: Luận chép: “Hết thấy các pháp, xét từ gốc thì chúng là khỏi các danh tướng, rốt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm”).

Chữ “luận” chỉ Đại Thừa Khởi Tín Luận. [Trong luận ấy], Mã Minh Bồ Tát đã bảo: “Hết thấy các pháp”, bao gồm Sắc pháp và Tâm pháp, “tùng bốn dĩ lai” là nói theo phương diện bản thể, quán sát theo phương diện thể tánh thì thể tánh chẳng có tướng danh tự. Do vậy, hết thấy các pháp bình đẳng. Cũng có các vị nêu nghi vấn: “Chân đèn và tượng Phật khác nhau, làm sao bình đẳng được? Chúng ta hoạt động và bàn, ghé dựa, ghé dài [bất động], làm sao bình đẳng được?” Đúng vậy! Không bình đẳng. Nhìn từ đâu mà thấy không bình đẳng? Quý vị khởi tâm động niệm nơi tướng, cho nên không bình đẳng. Bình đẳng ở đây là nói tới cái tâm quý vị bình đẳng, chứ không phải nói tới sự bình đẳng nơi hình tướng bên ngoài. Nếu quý vị hiểu ý nghĩa này, tâm quý vị sẽ rốt ráo bình đẳng nơi cảnh giới, không phải là nói sự bình đẳng nơi tướng. Về tướng, thì năm đầu ngón tay duỗi ra dài ngắn không đều, làm sao bình đẳng được? Nếu trong cảnh giới, tâm quý vị chẳng nhiễm đắm hết thấy, tâm bình đẳng, sẽ thấy tướng bên ngoài cũng thanh tịnh. Vì sao thanh tịnh? Tướng chẳng nhiễm ô tâm, bình đẳng là nói theo cách này.

Hết thấy các tướng đều là giả danh lập ra, chẳng chân thật. Hết thấy sắc tướng là Y Tha Khởi Tánh, tướng danh tự là Biến Kế Sở Chấp Tánh³, đều chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể! Do vậy, hết thấy tướng quá

³ Đây là hai trong ba tánh của Duy Thức (Biến Kế Sở Chấp Tánh, Y Tha Khởi Tánh và Viên Thành Thật Tánh).

Y Tha Khởi Tánh: Tánh của các pháp do nương vào các nhân duyên đối đãi mà sanh khởi, như hư, như huyền, chẳng cố định, chẳng vĩnh viễn tồn tại. Nói cách khác, các pháp đều nương vào những yếu tố khác (thường gọi là nhân duyên) mà tồn tại, chứ không có thực thể. Chẳng hạn, sợi dây thừng là do các sợi gai kết thành, mỗi sợi gai lại do các phân tử gai cấu tạo thành v.v...

thật là bình đẳng. Hết thấy tướng ấy, nhìn từ Thể thì chẳng những Tánh Thể là bình đẳng, mà thể chất cũng bình đẳng. Sâm la vạn tượng theo sự quan sát của các nhà khoa học đều do các lap tử cơ bản (elementary particles)⁴ hợp thành. Con mắt của các nhà khoa học thấy sâm la vạn tượng đều là các lap tử cơ bản, [như vậy, nhìn từ quan điểm vật chất đều do các lap tử cơ bản kết hợp thành thì] tướng cũng bình đẳng, nhưng [tướng bình đẳng ấy] vẫn chưa phải là rốt ráo bình đẳng đang được nói tới ở đây. Rốt ráo bình đẳng phải quan sát từ thể tánh, nó là gì vậy? “*Duy thị nhất tâm*” (chỉ là nhất tâm). Tận hư không, trọn pháp giới chỉ là nhất tâm. Do vậy, nếu tâm của quý vị đã nhất, nếu tâm quý vị đã bình đẳng thì sẽ nhập Nhất Chân pháp giới, chứ không phải mười pháp giới. “*Nhất Chân pháp giới*” là tên gọi bất đắc dĩ, bậc Địa Thượng Bồ Tát đấng địa trụ trong Nhất Chân pháp giới. Do vậy, nói theo phương diện Tánh Thể hay nói theo phương diện thể chất thì tuyệt đối bình đẳng, nhưng luận theo phương diện huyền tướng, chúng chẳng bình đẳng. Huyền tướng là huyền, chẳng thật, giả đấy! Đừng bị giả tướng mê hoặc, người học Phật phải nghiêm túc đừng nhận lầm cái giả thì mới được!

Vì sao nói hết thấy các pháp chỉ là nhất tâm? Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: “*Ung quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo*” (Nên quán tánh pháp giới, hết thấy chỉ do tâm tạo). Tánh là bản thể; quán sát theo phương diện Lý Thể có khả năng hiện ra hết thấy pháp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thì nó là nhất tâm. Nhất tâm là Chân Như bốn tánh. Tâm có thể hiện tướng, Thức có thể biến hóa. “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tâm là chân tâm, thức là vọng tâm. Chân tâm có thể hiện, vọng tâm có thể biến. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do vọng tâm biến ra. Hai câu này đã nói lên toàn bộ Phật pháp của hết thấy chư Phật. Tam Tạng kinh điển là chú giải của hai câu này. Nếu chúng ta thật sự thấu hiểu, thông đạt hai câu này, tâm đương nhiên thanh tịnh, trong hết thấy pháp sẽ chẳng còn

Biên Kế Sớ Chấp Tánh: Đối với những sự vật không có thực chất, lại khởi phân biệt, chấp trước, gán cho chúng những danh tự, so đo, tính toán, yêu ghét. Chẳng hạn, cùng do các sợi dây gai bện thành, nhưng cái thì gán cho tên gọi là dây thừng, cái thì gán cho tên gọi là bao bố v.v... Hoặc trong bóng tối ngõ sợi dây thừng là con rắn rồi kinh hoàng, sợ sệt.

⁴ Theo quan điểm vật lý hiện thời, những hạt cơ bản trong những thế kỷ trước như chất tử (proton), trung tử (neutron), điện tử (electron), quang tử (photon) và giới tử (meson) đều có thể chia thành những hạt nhỏ hơn như khinh tử (lepton), đào tử (tau lepton), khoa khắc (quark), giao tử (gluon), ba sắc tử (boson), phản lap tử (antiparticles) v.v...

khởi tâm động niệm nữa, vì sao? Hết thấy đều do tâm của chính mình hiện ra, đều là do cái tâm của chính mình biến hóa!

(Diễn) Kim Tịch Chiếu chi Thễ, vô hữu thanh, trước, hướng, bối, chánh thị đẳng đồng nhất vị, duy nhất Chân Như, cố vân “tất cánh bình đẳng, duy thị nhất tâm” dã.

(演)今寂照之體，無有清濁向背，正是等同一味，唯一真如，故云畢竟平等，唯一心也。

(Diễn: Nay cái Thễ vừa Tịch vừa Chiếu, chẳng có trong, đục, hướng về, trái nghịch, đúng là bình đẳng, có cùng một vị, là Chân Như duy nhất, nên nói: “Rốt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm”).

“Tịch Chiếu chi Thễ” chính là bản tánh của chúng ta. Nói theo kinh này, nó chính là nhất tâm của chúng ta, nhất tâm là chân tâm. Nay chúng ta nói “tu tập nhất tâm bất loạn”, tức là khôi phục chân tâm của chính mình. Trong chân tâm không có thanh, không có trước, không có hướng, không có bối. Do vậy chân tâm là nhất vị, nhất như. Trong hai chữ Chân Như thì Chân là nói theo thể tánh, nói theo Thễ; Như là nói theo Tướng. Hoặc Chân là nói theo Lý, Như là nói theo Sự. Tánh giống như Tướng, Tướng giống như Tánh. Lý giống như Sự, Sự giống như Lý, Tánh - Tướng không hai, Lý - Sự như một, thì gọi là Chân Như. Do vậy, Tánh và Tướng bình đẳng, Tánh hiện, Thức biến, do vậy, nó “*chỉ là nhất tâm*”. Lý này khá sâu, chúng ta phải chú tâm thấu hiểu. Nay đã hết giờ rồi!